

# **DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN CÁC NĂNG LỰC BỘ MÔN CHO HỌC SINH**

NGUYỄN THỊ CÔI\*

Ngày nhận bài: 16/07/2016; ngày sửa chữa: 22/07/2016; ngày duyệt đăng: 25/07/2018.

**Abstract:** *Teaching towards developing learner's competences is common trend of global education. This is also an urgent issue for Vietnam education to train human resources meeting requirement of building and defending country in the context of integration. Therefore, teaching History like other subjects must be innovated towards developing learners' competences to catch up with current trend of global education.*

**Keywords:** *Teaching history, learner's competence.*

Cộc cách mạng khoa học - công nghệ đã dẫn đến hiện tượng bùng nổ thông tin, tri thức của nhân loại ngày càng tăng lên với tốc độ chóng mặt. Do vậy, việc dạy học trong nhà trường theo định hướng phát triển năng lực (NL) người học trở thành xu hướng của giáo dục thế giới. Đối với Việt Nam, đó là yêu cầu không thể thiếu trong việc đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thời mở cửa, hội nhập. *Lịch sử* (LS) cũng như các bộ môn khác ở trường phổ thông, cần đổi mới theo xu hướng giáo dục đang đặt ra - dạy học LS theo định hướng phát triển NL học sinh (HS).

## **1. Một số khái niệm cơ bản về NL và NL học tập LS**

**1.1. Năng lực.** Đến nay, khái niệm NL vẫn có nhiều cách diễn đạt khác nhau. Theo **Đại Từ điển Tiếng Việt**, NL là "*những điều kiện đủ hoặc vốn có để làm một việc gì đó*" [1; 1087]. Thái Duy Tuyên cho rằng, NL "*là những đặc điểm tâm lí của nhân cách, là điều kiện chủ quan để thực hiện có kết quả một dạng hoạt động nhất định...*" [2; tr 126]. Các nhà phương pháp dạy học (PPDH) LS Liên Xô (trước đây) khẳng định: NL là: "*những khả năng cơ bản dựa trên cơ sở tri thức, kinh nghiệm, các giá trị và thiên hướng của một con người được phát triển thông qua thực hành giáo dục*" [3; tr 43]... Trong tiếng Anh, NL hiểu theo nghĩa của từ "competence" (NL hành động): là khả năng thực hiện hiệu quả một nhiệm vụ/ một hành động cụ thể/liên quan đến một lĩnh vực nhất định dựa trên cơ sở hiểu biết, kĩ năng, kĩ xảo và sự sẵn sàng hành động.

Nói đến vấn đề NL, các nhà tâm lí học cũng phân biệt rõ *khả năng, kĩ năng* và NL. Khả năng là nói đến những kiến thức, kĩ năng, kĩ xảo, khí chất, ý chí... của

con người cho phép họ thực hiện được một hành động nào đó. NL phát triển trên nền tảng của khả năng; NL có mối quan hệ mật thiết với tri thức, kĩ năng, kĩ xảo. Tri thức và kĩ năng trong một lĩnh vực nào đó là điều kiện cần thiết nhưng không phải là tất cả để hình thành NL trong lĩnh vực ấy. Có NL sẽ góp phần làm cho quá trình tiếp thu tri thức và rèn luyện kĩ năng diễn ra nhanh chóng và thuận lợi hơn. Các yếu tố thành phần của NL là: kiến thức, kĩ năng, kĩ xảo và trạng thái tâm lí (hứng thú, tính kiên trì...) của chủ thể...

Qua những ý kiến trên, có thể hiểu: NL là một thuộc tính phức hợp, là điểm hội tụ của những tri thức, kĩ năng, kinh nghiệm, sự sẵn sàng hành động, trách nhiệm đạo đức, ý chí... về một lĩnh vực nhất định. NL được hình thành và phát triển trong hoạt động (hoạt động là phương thức cơ bản để phát triển NL). Nếu không tổ chức hoạt động và con người không "lấn mình" vào hoạt động thì NL không thể bộc lộ và phát triển.

**1.2. NL học tập LS** (NL bộ môn) là những tri thức, kĩ năng kinh nghiệm về một mặt nào đó và tinh thần, thái độ, ý chí... của HS trong hoạt động học tập.

Hình thành và phát triển NL nói chung, NL học tập LS nói riêng có vai trò đặc biệt quan trọng. Đó là một trong những thành phần của mục tiêu đào tạo con người Việt Nam trong thời kì mới, như **Luật Giáo dục** đã chỉ rõ: "*Mục tiêu của giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ, nghề nghiệp, trung thành với lí tưởng dân tộc và chủ nghĩa xã hội, hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và NL của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ*

\* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tổ quốc”[4; tr 8]. Để hình thành và phát triển NL cho HS trong dạy học LS, đòi hỏi phải chuyển từ dạy học tiếp cận nội dung sang dạy học tiếp cận NL; hay, chuyển từ mô hình dạy học “thầy là trung tâm” sang mô hình dạy học “trò là trung tâm”. Vì vậy, hình thành và phát triển NL HS sẽ góp phần tích cực vào đổi mới việc dạy học bộ môn ở trường phổ thông.

Với vai trò quan trọng như vậy, hình thành và phát triển NL trong dạy học LS có tác dụng thiết thực đối với HS về các mặt hình thành kiến thức, rèn luyện kĩ năng và bồi dưỡng những thái độ đúng đắn. Thực tiễn dạy học LS ở các trường phổ thông hiện nay đã có chuyển biến, song vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra. Quan niệm “coi thường” LS làm cho việc dạy và học của giáo viên (GV) và HS gặp không ít khó khăn. Hình thức tổ chức dạy học thường chỉ gói gọn trong lớp học, nhà trường, GV không có điều kiện thực hiện các hình thức tổ chức dạy học khác. Khi tiến hành bài học LS, GV còn nặng về truyền đạt kiến thức có sẵn, kiểm tra, đánh giá, yêu cầu HS nhớ kiến thức nhiều hơn là “hiểu” và “vận dụng”...

Xuất phát từ những vấn đề trên, cùng với việc căn cứ vào các NL chung mà Bộ GD-ĐT đã đưa ra (NL tự học; NL tự giải quyết vấn đề; NL sáng tạo (tư duy); NL giao tiếp; NL hợp tác, hội nhập; NL sử dụng công nghệ thông tin - truyền thông; NL sử dụng ngôn ngữ; NL tính toán) [5; tr 47-48], mục tiêu và chuẩn đầu ra của bộ môn, đặc điểm bộ môn, đặc trưng nhận thức LS của HS cũng như con đường hình thành kiến thức LS..., dạy học LS ở trường phổ thông cần hình thành và phát triển các NL sau cho HS: - NL tái hiện LS (thu thập và xử lí thông tin), gồm: hoạt động tri giác tài liệu, đồ dùng trực quan; hình dung tưởng tượng lại sự kiện để có biểu tượng LS; nhớ (ghi nhớ, giữ lại, nhớ lại) những gì đã tri giác được; - NL tư duy: tư duy biện chứng thể hiện ở các thao tác phân tích, so sánh, đối chiếu, tổng hợp, khái quát hóa, trừu tượng hóa... và tư duy LS thông qua nội dung các vấn đề quan điểm LS; sự thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập...; - NL đánh giá, gồm: tìm ra ý nghĩa, rút bài học kinh nghiệm của các sự kiện, hiện tượng LS; đánh giá những đóng góp (mặt tiến bộ hay phản động của nhân vật LS); vai trò của quần chúng; tác dụng của những cải tiến trong lao động, sản xuất...; - NL thực hành, gồm: thực hành bộ môn (sử dụng bản đồ, bảng biểu...); vận dụng kiến thức cũ để hiểu kiến thức mới và vận dụng vào cuộc sống; - NL giải quyết vấn đề, gồm các hoạt động: phát hiện vấn đề (hiểu được tình huống học tập, phát hiện và nêu lên được vấn đề cần giải quyết); giải quyết vấn đề (lựa chọn

phương án giải quyết vấn đề phù hợp, tái hiện kiến thức đã học, lựa chọn sự kiện, nội dung sự kiện cần sử dụng để giải quyết vấn đề...); trình bày vấn đề (biết hình thành dàn ý của vấn đề, sử dụng ngôn ngữ phù hợp để trình bày)...; - NL tự học LS, là những hoạt động độc lập của HS khi rèn luyện các NL trên, như: tự làm việc với sách giáo khoa ở trên lớp và ở nhà; tự làm việc với các tài liệu tham khảo; tự vận dụng các thao tác tư duy; tự đánh giá sự kiện, hiện tượng, nhân vật LS; tự ghi chép khi nghe giảng; tự học với đồ dùng trực quan; tự giải quyết vấn đề và trình bày vấn đề; tự ôn tập, kiểm tra, đánh giá...

Mỗi NL trên lại có ba yếu tố: kiến thức về NL, kĩ năng và tinh thần thái độ thực hiện.

## **2. Một số giải pháp nhằm hình thành và phát triển các NL cho HS trong dạy học LS ở trường phổ thông**

**2.1. Tổ chức hiệu quả các hoạt động dạy học LS ở trường phổ thông.** Hiệu quả dạy học LS được đánh giá ở kết quả đích thực sau một quá trình về ba mặt: hình thành kiến thức, rèn luyện kĩ năng, định hướng thái độ và phần đóng góp vào việc hình thành, phát triển các NL, bồi dưỡng những phẩm chất đạo đức đúng đắn cho HS. Hình thành, phát triển các NL, bồi dưỡng phẩm chất là cái đích phải đạt được trong quá trình dạy học LS. Vì vậy, tổ chức hiệu quả các hoạt động dạy học LS ở trường phổ thông là con đường hữu hiệu để phát triển các NL riêng, chung cho HS. Cụ thể:

**2.1.1. Đổi mới PPDH LS theo hướng phát triển NL HS:**

- **Đổi mới phương pháp tiến hành bài học:** Bài học LS là hình thức cơ bản của việc tổ chức quá trình thống nhất giữa giảng dạy của GV và học tập của HS. Nhiệm vụ của bài học là thực hiện một phần chương trình sách giáo khoa, góp phần từng bước hoàn thành mục tiêu môn học, cấp học và khóa trình [6; tr 84]. Thực hiện đổi mới PPDH, GV có thể thực hiện: xác định đúng kiến thức cơ bản của bài; vận dụng cấu trúc bài học theo kiểu dạy học nêu vấn đề; sử dụng kết hợp các PPDH; kết hợp nhuần nhuyễn các dạng tổ chức hoạt động học tập (cá nhân, nhóm, toàn lớp)...

- **Sử dụng các PPDH truyền thống theo tinh thần đổi mới:** Trong dạy học LS ở trường phổ thông, GV thường sử dụng các PPDH truyền thống: trình bày miệng, đồ dùng trực quan, sử dụng sách giáo khoa và các tài liệu học tập khác. Mỗi PPDH truyền thống nêu trên đều có mặt tích cực cần kế thừa, phát huy; song nếu sử dụng các phương pháp này theo cách truyền

đạt kiến thức cho sẵn, thì sẽ không phát triển được NL học tập của HS. Vì vậy, khi tiến hành bài học, GV cần sử dụng các PPDH truyền thống theo tinh thần đổi mới, phát huy tính tích cực, độc lập, sáng tạo của HS trong học tập. Cụ thể: sử dụng phương pháp “trình bày miệng” kết hợp nêu câu hỏi gợi mở để HS trao đổi, tranh luận, rút ra nhận xét, đánh giá; sử dụng đồ dùng trực quan kết hợp với trao đổi, thảo luận để HS tự rút ra nội dung cần lĩnh hội; hướng dẫn HS sử dụng sách giáo khoa, thông qua việc khai thác bài viết, kênh hình, trả lời câu hỏi để tự chiếm lĩnh tri thức; hướng dẫn HS sử dụng các tài liệu LS, văn học phù hợp thông qua các câu hỏi, bài tập để các em hiểu sâu, nhớ lâu, mở rộng kiến thức; gắn bài giảng LS với thực tế địa phương, cuộc sống thông qua các bài tập vận dụng kiến thức, kĩ năng...

- *Sử dụng các phương pháp, kĩ thuật, phương tiện dạy học hiện đại phù hợp với điều kiện nhà trường, như:*

+ Học theo hợp đồng là “hoạt động học tập trong đó mỗi HS được giao một “hợp đồng” trọn gói bao gồm các nhiệm vụ (bài tập) bắt buộc và tự chọn khác nhau trong một khoảng thời gian nhất định. HS chủ động và độc lập quyết định về thời gian cho mỗi nhiệm vụ và thứ tự thực hiện các nhiệm vụ đó theo khả năng của mình” [7; tr 100]. Trong học theo hợp đồng, GV là người thiết kế, xây dựng các nhiệm vụ của “hợp đồng”; tổ chức, hướng dẫn HS nghiên cứu, kí kết và thực hiện “hợp đồng” theo NL cá nhân nhằm đạt được mục tiêu dạy học; cho phép phân hóa nhịp độ và trình độ, cũng như tăng cường tính độc lập của HS. Vì vậy, dạy theo hợp đồng có tác dụng thiết thực góp phần phát triển NL tự học, giải quyết vấn đề và hợp tác cho các em.

+ Dạy học dự án (học theo dự án) là một hình thức dạy học; trong đó: người học thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lí thuyết và thực hành, thực tiễn [7; tr 100]. Nhiệm vụ này được HS thực hiện với tính tự lực cao trong toàn bộ quá trình học tập: từ xác định mục đích, lập kế hoạch đến việc thực hiện dự án, thu thập thông tin, phân tích dữ liệu, kiểm tra, điều chỉnh, đánh giá quá trình và kết quả. Làm việc nhóm là dạng tổ chức hoạt động chủ yếu của dạy học dự án. Dạy học dự án góp phần gắn lí thuyết với thực tiễn, tư duy và hoạt động, nhà trường với xã hội, kích thích động cơ và hứng thú của người học. Vì vậy, vận dụng dạy học dự án có tác dụng lớn trong việc phát triển các NL bộ môn (tư duy, đánh giá, thực hành, giải quyết vấn đề, tự học và NL chung như sử dụng ngôn ngữ, hợp tác...).

+ Bên cạnh các PPDH mới nêu trên, trong dạy học LS còn có thể sử dụng kết hợp các kĩ thuật dạy học hiện đại phù hợp như “khăn trải bàn”, hay “XYZ”...

+ Sử dụng công nghệ thông tin vào dạy học LS có tác dụng khơi gợi hứng thú học tập và tích cực hóa hoạt động học tập của HS. Đây là giải pháp tích cực góp phần vào đổi mới PPDH để phát triển các NL cho HS. Vì vậy, bên cạnh các đồ dùng trực quan truyền thống, GV cần thiết sử dụng máy vi tính với các phần mềm thông dụng. Song việc ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học nói chung, môn LS nói riêng muốn đạt kết quả tốt cần kết hợp với các phương pháp truyền thống và phù hợp với điều kiện cụ thể ở từng trường phổ thông.

*2.1.2. Đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học:* “Hình thức tổ chức dạy học là hình thức vận động của nội dung dạy học cụ thể trong không gian, địa điểm và những điều kiện xác định nhằm thực hiện nhiệm vụ và mục tiêu dạy học” [8; tr 245]. Trong dạy học LS ở trường phổ thông có nhiều hình thức tổ chức dạy học: tiến hành bài học trên lớp, dạy học ngoài lớp (tự học ở nhà, tham quan học tập, tiến hành bài học tại di tích) và hoạt động ngoại khóa thực hành. Mỗi hình thức, tổ chức có vai trò, ý nghĩa nhất định đối với việc phát triển NL bộ môn để đáp ứng mục tiêu môn học. Hiện nay, GV chủ yếu tập trung vào các giờ lên lớp, ít thực hiện các hình thức tổ chức dạy học khác; đặc biệt là tự học, thực hành và các NL chung. Vì vậy, để phát triển NL HS, ngoài việc nâng cao hiệu quả bài học LS trên lớp, GV cần tăng cường tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài lớp học.

*2.2. Đổi mới hoạt động kiểm tra, đánh giá trong quá trình dạy học LS theo hướng phát triển NL HS.* Kiểm tra, đánh giá có ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển toàn diện HS; đồng thời còn giúp GV tự đánh giá được kết quả công tác giảng dạy của bản thân, thấy được thành công và những vấn đề cần rút kinh nghiệm để có các giải pháp thích hợp nhằm nâng cao chất lượng dạy học bộ môn. Việc kiểm tra, đánh giá trong dạy học LS ở trường phổ thông hiện nay đã có chuyển biến, nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra. Để nâng cao chất lượng dạy học bộ môn, cần phải đổi mới việc kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển NL HS. Cụ thể: - *Về quan niệm:* phải hiểu đúng vai trò, ý nghĩa của hoạt động kiểm tra, đánh giá; - *Về nội dung:* phải kiểm tra, đánh giá toàn diện theo Chuẩn đầu ra, trong đó chủ yếu là việc vận dụng các kiến thức, kĩ năng để thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ học tập

đặt ra; - Đa dạng hóa hình thức kiểm tra, đánh giá: bên cạnh kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kì, cần tăng cường hình thức làm bài tập, tiểu luận, dự án...; - *Đổi mới khâu ra đề*, chủ yếu là vận dụng quy trình đánh giá người học theo định hướng hình thành và phát triển NL thông qua các giai đoạn: chuẩn bị nội dung kiểm tra, đánh giá (xác định mục tiêu, đối tượng; xây dựng tiêu chí; chọn và thiết kế bộ công cụ...); tổ chức kiểm tra, đánh giá (thẩm định đề hoàn thiện bộ công cụ); đưa bộ công cụ vào kiểm tra, đánh giá; phân tích kết quả, ra quyết định điều chỉnh (phân tích xử lí số liệu, giải thích kết quả và ra quyết định về mức độ) [9; tr 146].

### 2.3. *Đổi mới việc biên soạn sách giáo khoa.*

Sách giáo khoa có vai trò, ý nghĩa rất lớn đối với GV và HS; một phương án đáng tin cậy để GV soạn bài và hướng dẫn HS học tập [10; tr 89]. Đồng thời, sách giáo khoa phản ánh trình độ văn hóa, khoa học của một nước và là cơ sở quan trọng để HS tự học, phát triển NL tư duy và hành động [10; tr 89]. Các cuốn sách giáo khoa hiện hành đã có nhiều bước tiến bộ, đổi mới; tuy nhiên, so với sự phát triển của xã hội vẫn còn những hạn chế. Nội dung của sách còn nặng về cung cấp kiến thức, chưa thật chú trọng phát triển NL HS. Đổi mới việc biên soạn sách giáo khoa theo hướng phát triển NL HS phải được thể hiện từ mô hình của cuốn sách, cấu trúc các chương, bài học đến nội dung cụ thể trong phần bài viết, cũng như cơ chế sư phạm.

Ví dụ, mở đầu cuốn sách giáo khoa cần có lời giới thiệu, hướng dẫn HS sử dụng sách giáo khoa trong học tập; cần có chú thích những thuật ngữ, khái niệm khó và giới thiệu những trang web có thể tham khảo trong học tập. Ở đầu các chương, bài cần có lời dẫn dắt, tạo tình huống có vấn đề, nêu nhiệm vụ học tập để thu hút sự chú ý và gợi động cơ học tập cho HS. Ở nội dung các bài cần tăng cường kênh hình, tư liệu...; trong đó cần thể hiện rõ yêu cầu tích hợp theo các hình thức và mức độ khác nhau phù hợp với môn học (nội môn, đa môn...), đặc biệt là tích hợp kiến thức LS với thực tế cuộc sống.

\* \* \*

Việc hình thành và phát triển cho HS phổ thông những NL bộ môn cũng như NL chung trong dạy học LS có tầm quan trọng đặc biệt. Để thực hiện được nhiệm vụ mang tính chiến lược này cần có những giải pháp đồng bộ, từ khâu đổi mới hoạt động dạy học, kiểm tra, đánh giá đến đổi mới biên soạn chương trình và sách giáo khoa trong tương lai. Mặt khác, sự nỗ lực của các cấp quản lí, GV, HS và toàn

xã hội cũng là những yếu tố không thể thiếu; trong đó, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV là điều cốt lõi. □

### Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Như Ý (chủ biên) (2011). *Đại Từ điển Tiếng Việt*. NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
- [2] Thái Duy Tuyên (2001). *Giáo dục học hiện đại: Những vấn đề cơ bản*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [3] A. Kolokob (1984). *Những vấn đề cấp thiết của phương pháp dạy học Lịch sử ở trường phổ thông*. NXB Matxcova (tiếng Nga).
- [4] *Luật Giáo dục* (2010). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [5] Bộ GD-ĐT (2014). *Tài liệu tập huấn dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo định hướng phát triển năng lực học sinh môn Lịch sử cấp trung học phổ thông*.
- [6] Phan Ngọc Liên (chủ biên) (2010). *Phương pháp dạy học Lịch sử* (tập 1). NXB Đại học Sư phạm.
- [7] Dự án Việt - Bỉ (2010). *Dạy và học tích cực - Một số phương pháp và kĩ thuật dạy học*. NXB Đại học Sư phạm.
- [8] Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên) (2012). *Giáo trình Giáo dục học* (tập 1). NXB Đại học Sư phạm.
- [9] Lê Đình Trung - Phan Thị Thanh Hội (2016). *Dạy học theo định hướng hình thành và phát triển năng lực người học ở trường phổ thông*. NXB Đại học Sư phạm.
- [10] Phan Ngọc Liên (chủ biên) (2010). *Phương pháp dạy học Lịch sử* (tập 2). NXB Đại học Sư phạm.

## Tổ chức cho học sinh hoạt động...

(Tiếp theo trang 41)

- [3] Phan Anh (2011). *Góp phần phát triển năng lực toán học hóa tình huống thực tiễn cho học sinh trung học phổ thông thông qua dạy học các yếu tố về đại số và giải tích*. Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Vinh.
- [4] Bùi Huy Ngọc (2003). *Tăng cường khai thác nội dung thực tế trong dạy học số học và đại số nhằm nâng cao năng lực vận dụng Toán học vào thực tiễn cho học sinh trung học cơ sở*. Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Vinh.
- [5] Pisa (Programme for international student assessment) (2009). *Tài liệu trung tâm nghiên cứu Giáo dục phổ thông*. Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- [6] Hayley Barnes (2005). *The theory of realistic mathematics education as a theoretical framework for teaching low attainers in mathematics*. Pythagoras, Issue 61, pp 42-57.